



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Cơ sở xét nghiệm Medic247**
Medical Laboratory: **Meidic247 Medical Laboratory**

Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Medic247 Việt Nam**
Organization: **MEDIC247 VIETNAM CO.,LTD.**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh, Huyết học, Vi sinh**
Field of medical testing: **Biochemistry, Hematology, Microbiology**

Người phụ trách/
Representative: **Nguyễn Thị Hương Liên**
Nguyen Thi Huong Lien

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 246**

Chuẩn mực công nhận/
Accreditation criteria: **ISO 15189: 2022**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ/ Address: **TT17-B24(60) Khu đô thị Văn Quán, Phố Yên Bình, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội**
TT17-B24(60) Urban area, Yen Binh Street, Ha Dong Ward, Ha Noi City

Địa điểm/ Location: **TT17-B24(60) Khu đô thị Văn Quán, Phố Yên Bình, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội**
TT17-B24(60) Urban area, Yen Binh Street, Ha Dong Ward, Ha Noi City

Điện thoại/ Tel: **0989 094 889**

Email: **xetnghiemmedic247@gmail.com**

Website:

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 246

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**
Discipline of medical testing: **Biochemistry**

TT	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>(Principle/ Technical test)</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết tương (NaF) <i>Plasma (NaF)</i>	Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Enzyme Hexokinase <i>Kinetic Hexokinase method</i>	QTKT.HS01.131 (2026) (Cobas C311)
2.	Huyết tương (Heparin) <i>Plasma (Heparin)</i>	Đo hoạt độ Aspartate Aminotransferase (AST) <i>Determination of Aspartate Aminotransferase (AST) activity</i>	Động học enzyme <i>Enzymatic kinetic method</i>	QTKT.HS01.34 (2026) (Cobas C311)
3.		Đo hoạt độ Alanin Aminotransferase (ALT) <i>Determination of Alanin Aminotransferase (ALT) activity</i>		QTKT.HS01.31 (2026) (Cobas C311)
4.		Định lượng Ure <i>Determination of Ure</i>		QTKT.HS01.218 (2026) (Cobas C311)
5.		Định lượng Cholesterol toàn phần <i>Determination of total Cholesterol</i>	Emzym đo màu/ điểm cuối <i>End - point colorimetric method</i>	QTKT.HS01.72 (2026) (Cobas C311)
6.		Định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>		QTKT.HS01.211 (2026) (Cobas C 311)
7.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>	<i>Jaffe động học</i> <i>Jaffe kinetic method</i>	QTKT.HS01.97 (2026) (Cobas C311)
8.		Định lượng Acid uric <i>Determination of Acid uric</i>	Emzym, đo màu/ 2 điểm <i>Fixed-time enzymatic colorimetric method.</i>	QTKT.HS01.02 (2026) (Cobas C311)
9.		Định lượng AFP <i>Determination of Alpha Fetoprotein</i>	Miễn dịch điện hóa phát quang <i>Electrochemiluminescence Immunoassay (ECLIA)</i>	QTKT.HS05.30 (2026) (Cobas E411)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 246

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**

Discipline of medical testing: **Hematology**

TT	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant -if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) <i>Whole Blood (EDTA)</i>	Đếm số lượng hồng cầu <i>Red blood cell count</i>	Điện trở kháng <i>Coulter Principle</i>	QTKT.HH03.07 (2026) (XN1000)
2.		Đếm số lượng tiểu cầu <i>Platelet count</i>	Điện trở kháng <i>Coulter Principle</i>	QTKT.HH03.08 (2026) (XN1000)
3.		Đếm số lượng bạch cầu <i>White blood cell count</i>	Laser <i>Laser</i>	QTKT.HH03.09 (2026) (XN1000)
4.		Định lượng huyết sắc tố <i>Hemoglobin concentration</i>	Đo quang <i>Photometric measurement</i>	QTKT.HH03.10 (2026) (XN1000)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS***VILAS Med 246****Lĩnh vực xét nghiệm: Vi sinh***Discipline of medical testing: Microbiology*

TT	Loại mẫu (chất chống đông-nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết tương (Heparin) <i>Plasma (Heparin)</i>	HBsAg miễn dịch tự động <i>HbsAg Automated immunoassays</i>	Miễn dịch điện hóa phát quang <i>Electrochemiluminescence Immunoassay (ECLIA)</i>	QTKT.HS05.30 (2026) (Cobas E 411)

Ghi chú/ Note:QTHS, QTHH, QTVS... : Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory Developed Method*

Trường hợp Cơ sở xét nghiệm Medic247 cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Medic247 Medical Laboratory that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

